TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:14/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 06 – 6 – 2019.
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Kim Triều

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thạch Thị Mỹ Kim

Ông Trần Quốc Hào

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Lương Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa*:* bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị H, sinh năm 1964 (có mặt)
Địa chỉ: Khóm 6, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Ông Thạch Th, sinh năm 1966 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khóm 3, phường 1, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 3 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Vào năm 1986 bà với ông Thạch Th có sống chung với nhau nhưng hai người không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung Thạch Thị Thanh H1, sinh năm

1987 và Thạch Thanh T, sinh năm 1989. Lúc đầu cuộc sống chung tương đối hạnh phúc, nhưng cách nay khoảng 6 năm giữa hai người thường xảy ra mâu thuẩn bất đồng ý kiến, hạnh phúc gia đình bị rạn nứt, nhưng vì tình nghĩa vợ chồng nên bà cố hàn gắn lại để chung sống, cuối cùng cũng không hàn gắn được, những sự việc bất đồng ý kiến, mâu thuẩn với nhau ngày càng gay gắt hơn, hạnh phúc gia đình hoàn toàn đỗ vỡ bà và ông Th đã ly thân khoảng 6 năm nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được mục đích. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Th. Về con chung Thạch Thị Thanh H1, sinh năm 1987 và Thạch Thanh T, sinh năm 1989 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Thạch Th vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử đã chấp hành đúng qui định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án Vị đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Thạch Th. Về con chung Thạch Thị Thanh H1 và Thạch Thanh T đều đã trưởng thành, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết, về tài sản chung, nợ chung: không có nên không đặt ra giải quyết, về án phí bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ và vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của đương sự và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[`1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Thạch Th vắng mặt không lý do, căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227, khoản 3; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Th là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị H và ông Thạch Th sống chung với nhau từ năm 1986 nhưng không có đăng ký kết hôn đây là hôn nhân thực tế được quy định tại Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Nghị định số 77/2001/NĐ-CP, ngày 22/10/2001 của Chính phủ, quá trình chung sống vợ chồng có với nhau hai con chung Thạch Thị Thanh H1, sinh năm 1987 và Thạch Thanh T, sinh năm 1989. Thời gian sau này khoảng năm 2012 vợ chồng xảy ra mâu thuẩn, bất đồng ý kiến không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Mặc khác quá trình giải quyết vụ án Tòa án mời ông Th đến hòa giải tạo điều kiện cho

vợ chồng hàn gắn tình cảm, nhưng ông Th đều vắng mặt không có lý do, thể hiện ông Th không có thiện chí để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy thời gian ly thân tương đối dài nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng không được cải thiện, chứng tỏ hai người không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau, tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông Th là hoàn toàn có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: chị Thạch Thị Thanh H1, sinh năm 1987 và anh Thạch Thanh T, sinh năm 1989 đều đã trưởng thành, bà H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà H xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bà Hoa phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm.

[6] Xét thấy ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh là phù hợp với tính chất và nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2, Điều 227, khoản 3; Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Thạch Th.

2. Về con chung: chị Thạch Thị Thanh H1, sinh năm 1987 và anh Thạch Thanh T, sinh năm 1989 đều đã trưởng thành, bà H không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà H xác nhận không có, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0001082, ngày 22/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 06/6/2019, riêng đương sự vắng

mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh.
- VKSND TPTV.
- THADS TPTV.
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Các đương sự
- Lưu VP, HS (…)

Huỳnh Kim Triều

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Quốc Hào – Thạch Thị Mỹ Kim **Huỳnh Kim Triều**